

KHÔNG GIAN THIÊNG CỦA THĂNG LONG - HÀ NỘI

GS. TS Đỗ Quang Hưng*

Dẫn nhập

J. P. Artola khi nghiên cứu về *sự thánh thiêng* cho rằng, có hai đặc tính chủ yếu của *sự thánh thiêng*, đó là: *tính tách biệt* và *tính không thể xúc phạm*. *Sự thánh thiêng* được coi là *thứ tách biệt và không thể xúc phạm*, vì rằng nếu ta đụng chạm đến nó thì sẽ làm cho nó trở lại là phàm tục. Nói cách khác, *sự thánh thiêng* là một yếu tố sáng tạo, bồi bổ, có hiệu lực khi nó *thánh hoá* tất cả những gì tiếp cận nó. Vì thế, *sự thánh thiêng* tỏa ra một ánh sáng chói lọi, tuyệt đối, làm phai mờ mọi cái khác, có khả năng che khuất những khiếm khuyết, những điểm yếu của cái phàm tục quanh nó. J. P. Artola viết: “Sự hiện diện đó của *sự thánh thiêng* gây ra ở con người một xúc cảm lưỡng cực cao độ: mê mẩn và kinh hoàng, ngây ngất và khiếp sợ - đúng như nhà sử học tôn giáo người Đức Rudolf Otto (1860 - 1937) đã phân tích một cách tuyệt vời trong một tác phẩm đã trở thành kinh điển. Cái *thần thánh* là điều “hoàn toàn khác lạ”, là điều huyền bí vừa cuốn hút, vừa làm người ta kinh sợ. Tiếp cận nó làm nảy sinh một cảm giác rùng rợn, khác hẳn cái phản ứng gây ra bởi những nguy hiểm “tự nhiên”, một trạng thái “đê mê ngây dại” trước cái hoàn toàn khác lạ chúng ta. Tuy nhiên điều huyền bí khiếp sợ đó đồng thời lại có sức mê hoặc, nó gây ra một sức cuốn hút không thể cưỡng lại nổi”¹. Tác giả cũng đã có sự phân biệt sâu sắc cái *thánh thiêng* mà các tôn giáo khác nhau, đặc biệt là nghệ thuật kiến trúc các công trình tôn giáo khác nhau tạo ra và nhấn mạnh *cái thiên chức* của kiến trúc tôn giáo là gợi lại trong đó những thánh tích mẫu nhiệm để tạo điều kiện cho những hình thức biểu hiện khác nhau của việc tế lễ của các cộng đồng, các tín đồ có liên quan đến thánh tích mẫu nhiệm đó.

Như vậy, những nghiên cứu của các nhà tôn giáo học tiêu biểu ấy có ý nghĩa nhận thức quan trọng để chúng ta có thêm những góc độ tiếp cận về sự nhìn nhận đánh giá xung quanh giá trị của *cái thiêng*. Ở đây, chúng tôi muốn đề cập, phân tích, vận dụng những gợi ý quan trọng ấy vào việc tạo dựng “không gian tâm linh tôn giáo” của Thăng Long - Hà Nội nghìn năm. Ý nghĩa ấy không chỉ được thể hiện ngay từ điểm xuất phát, việc các vua nhà Lý lựa chọn Thăng Long làm kinh đô lâu dài cho nước Đại Việt mà còn được thể hiện trong suốt 1000 năm của Thăng Long - Hà Nội, trong đó cái “không gian tâm linh tôn giáo” của nó cũng được hiện rõ ngày càng phong phú không chỉ những đặc

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

điểm riêng biệt của đời sống tín ngưỡng tôn giáo, mà còn hòa trộn với cái “không gian xã hội - văn hiến - văn hoá” đặc biệt của đất kinh kỳ.

Từ căn: không gian thiêng, cái thiêng, cái phạm tục, không gian tâm linh, quyền lực xã hội, vòng xoáy tâm linh, Thăng Long Tứ trấn.

1. Không gian thiêng và đời sống tôn giáo

Từ “cái thiêng” đến “không gian thiêng”

Khi nghiên cứu đời sống tôn giáo của một cộng đồng, người ta rất quan tâm đến “không gian thiêng”. Khái niệm “không gian thiêng” không chỉ được hiểu theo nghĩa hẹp là khoảng không gian trong các nhà thờ, nhà nguyện, thánh đường, thánh thất, chùa, đạo, quán... mà còn được hiểu theo nghĩa rộng là không gian tâm linh, không gian thiêng mà chính đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của cộng đồng ấy tạo ra.

Tất nhiên, không gian thiêng có nguồn gốc sâu xa từ *cái thiêng* như một phạm trù, một giá trị đối diện với *cái phạm tục* của đời sống trần thế. Chúng ta không cần thiết phải bắt đầu từ việc *cái thiêng* đã ra đời như thế nào và nó đã ảnh hưởng ra sao đến sự xuất hiện các hình thức tín ngưỡng tôn giáo ngay từ trong xã hội nguyên thủy. Chỉ biết rằng nếu con người không có khả năng tách biệt được *cái thiêng* ra khỏi *cái phạm tục* thì chắc chắn con người cũng chưa có thể biết đến và sáng tạo ra cho mình những hình thức tín ngưỡng, tôn giáo, như sự khẳng định của rất nhiều các nhà xã hội học, nhân học về tôn giáo xưa nay.

“Không gian thiêng” và “không gian bình thường” khác nhau như thế nào? Một không gian bình thường hay một không gian cụ thể tất nhiên cũng không chỉ là một không gian được giới hạn bởi những chỉ số địa lý tự nhiên đơn thuần mà vẫn là một cấu trúc xã hội tương ứng với những quan hệ đa chiều. Không gian thiêng dĩ nhiên phải được tạo nên bởi những “di tích tôn giáo” hay “bầu khí tâm linh” mà di tích tôn giáo ấy cũng như những thói quen, tập tục của đời sống tôn giáo tín ngưỡng của cộng đồng ấy tạo thành, nghĩa là bên cạnh cái *không gian xã hội bình thường* lại có thêm một không gian tâm linh “lồng ghép” vào cái không gian xã hội vốn có ấy.

Mặt khác, những di tích tôn giáo, tín ngưỡng ấy, nơi mà con người trực tiếp giao tiếp với thế giới siêu phàm, đáng siêu nhiên và các thế lực khác của *cái thiêng*. Khi đó “cái thiêng” lại có đời sống riêng, có sức mạnh gắn kết kích thích sự tương tác giữa quan hệ con người xã hội với thế giới siêu phàm. Nói như một số nhà nghiên cứu nhân học tôn giáo là con người đã gán “cái thiêng” cho một không gian, gắn nó, định vị nó trong mối tương quan với nền văn hoá và gắn nó với sự trải nghiệm của các cá nhân, của cộng đồng hay với những động cơ tinh thần nhất định². Lẽ dĩ nhiên, một ngôi đền, chùa hoặc nhà thờ có thể là thiêng liêng với một nhóm người này nhưng lại không có giá trị hần như thế với một nhóm người khác. Nó cũng giống như một tượng đài được dựng nên, nó chỉ có thể trở thành biểu trưng của cái thiêng liêng nếu nó được thừa nhận giá trị bởi những cộng đồng, những cá thể nhất định.

Tuy thế, để có được “chỗ dựa lý thuyết” cho khái niệm *không gian tâm linh tôn giáo* mà chúng tôi dùng ở đây khi áp dụng với không gian lịch sử cụ thể của Thăng Long - Hà Nội, xin được nêu lại những ý kiến của E. Durkheim, nhà xã hội học tôn giáo nổi tiếng người Pháp về những đặc điểm của *cái thiêng* mà ông đã dày công nghiên cứu.

Theo E. Durkheim, *cái thiêng* có những đặc điểm cơ bản sau đây:

a. Trước hết, *cái thiêng* là sự tách biệt trở thành cái khác biệt cơ bản của một vật, một động vật, con người. Khi có sự tách biệt căn bản ấy, *cái thiêng* trở thành một giá trị “*thiêng liêng*” vượt lên trên *cái phàm tục* mà nó được nảy sinh. Nói cách khác, *cái thiêng liêng* là *cái phàm tục* đã thay đổi về bản chất, thay đổi về ký hiệu do chính ý muốn của con người.

Con người tạo ra *cái thiêng* như những thần thánh của mình nhưng rồi đến một lúc nào đó lại cho rằng các vị thần thánh ấy tồn tại độc lập với ý muốn của họ. Thậm chí với *cái thiêng* những giá trị trần tục đã trở nên khác thường cao cả, không thể tranh cãi và vượt qua được. Đồng thời *cái thiêng* lại là sự kích thích che chở, là cái mà con người ngưỡng vọng, vươn lên để hoàn thiện mình.

b. Thứ hai, Durkheim cũng cho rằng sự tách biệt ấy được tạo ra bởi một *quá trình xã hội* rất độc đáo, một sự *sôi động tập thể* (effervescence collective) trong xã hội nguyên thủy. Đó là lúc khi một trật tự xã hội mới được tạo ra, con người như sống dậy một kinh nghiệm tập thể với những dấu hiệu khác thường: *Cái thiêng* là thứ động lực tạo nên sự thăng hoa tập thể của cộng đồng³.

c. Durkheim còn cho rằng đặc điểm tiếp nối rất quan trọng của *cái thiêng* còn là ở chỗ, khi trật tự xã hội được tạo ra vào lúc con người đã sáng tạo thiết lập riêng cho mình “một quyền uy” - *cái thiêng liêng* - trong xã hội để hợp thức hoá cao hơn các quy tắc các giá trị cộng đồng để đạt tới một cấu trúc xã hội tiến bộ hơn chặt chẽ hơn. *Cái thiêng liêng* khi ấy càng trở nên khác thường vì thế nó đã trở thành cái mà Durkheim gọi là “cái siêu tôi tập thể” (le super-ego collectif), vừa có ý nghĩa biểu tượng được sản sinh bởi những suy tưởng tập thể, đầy tính xã hội và tượng trưng, vừa tạo nên một giá trị đặc biệt để cố kết và giáo dục cộng đồng⁴.

Những đặc điểm mà Durkheim khái quát cho chúng ta về cái thiêng có nhiều ý nghĩa xã hội to lớn, nói hẹp lại có những ý nghĩa phương pháp luận vô cùng quan trọng trong việc nghiên cứu đời sống tôn giáo của các cộng đồng xã hội cụ thể.

Nghiên cứu của M. Eliade (1907-1986) về *cái thiêng* theo lối nghiên cứu hiện tượng luận tôn giáo lại giúp chúng ta hiểu thêm cấu trúc và vai trò của các thành phần được thờ phụng tạo nên trong *không gian thiêng* như thế nào.

Theo Eliade, đặc trưng của hiện tượng tôn giáo là *cái thiêng*, (Le Sacré) xuất hiện cho con người khi họ cảm nhận được. *Cái thiêng* tự bản thân nó có tính cách siêu việt và nó xuất hiện qua các hiện tượng trong thế giới không gian và thời gian dưới nhiều hình thái khác nhau như người, động vật, cây cối, mặt trời, trăng, sao, đất đai... Sự xuất hiện của *cái thiêng* tuy vậy không làm biến đổi bản chất của vật thể, ngược lại nó còn mang đến cho các vật thể những ý nghĩa mới. Con người nhận ra *cái thiêng* qua các hiện tượng nhờ đó để tiếp xúc với “*cái thiêng*”. Như vậy, hiện tượng giữ vai trò trung gian và như một biểu tượng. Vì thế, Eliade đã phân loại các hiện tượng tạo ra cái thiêng như sau:

- Những hiện tượng thuộc vũ trụ: trời (ông trời, mưa, gió, sấm, chớp vẫn được coi là những biểu tượng cho cái siêu phàm, quyền uy, sức sống); nước (biểu tượng cho sự thanh lọc, tái sinh sự sống); đất, đá...

- Những hiện tượng thuộc động hoặc thực vật: cây cối, mùa màng, tuần trăng, động vật, sinh sản...

- Những *địa điểm thánh*: những nơi tập trung biểu tượng cho các tôn giáo như Thánh địa, đền thờ...

Các hiện tượng này thực sự đóng vai trò trung gian để con người tiếp xúc với *cái thiêng* nên ý nghĩa biểu tượng cho *cái thiêng* là rất rõ rệt.

- Ngoài ra con người tiếp xúc với *cái thiêng* còn qua các cảm nghiệm của ngôn ngữ, biểu tượng trong đó mọi dân tộc đều coi trọng vai trò của thần thoại, huyền sử. Theo Eliade, thần thoại bản chất không phải là chuyện hoang đường. Trong thời cổ đại, thần thoại không phải là thứ để giải trí mà là để nhận thức, nó không chỉ tạo ra *cái thiêng liêng* mà còn trở thành “những khuôn mẫu” cho cuộc sống.

Ngoài ra, Eliade còn nêu bật những mối liên hệ giữa thần thoại với các nghi lễ (Rites). Chính nhờ có nghi lễ mà thế giới thần linh trở nên gần gũi hiện thực, nói cách khác là khi thần thoại được tái hiện qua việc cử hành các nghi lễ *cái thiêng* sẽ sống lại và cho phép con người tiếp xúc sâu sắc với thế giới ấy⁵.

Nói chung, khái niệm *cái thiêng* của xã hội học tôn giáo thường hàm nghĩa rộng rãi hơn khái niệm *cái thiêng* của tôn giáo. Chẳng hạn đối với người Công giáo khái niệm *cái thiêng*, hay đúng hơn được gọi là *Thánh thiêng (Sacred)*, với ý nghĩa thần học hẹp hơn liên quan đến quan niệm về “tôn giáo”: “Thánh thiêng là những gì thuộc về Thiên Chúa, khác với những gì thuộc về con người; là những gì vĩnh cửu chứ không phải phù du, là những gì của thiên giới chứ không phải hạ giới, là những gì huyền nhiệm và vì thế không thể giải thích được bằng lý trí; là những gì vô hạn chứ không phải hữu hạn. Tôn giáo nào cũng coi thánh thiêng mới là cái tuyệt đối, bất di bất dịch; còn phàm tục chỉ là cái tương đối, vốn hay thay đổi”⁶.

Như vậy là khái niệm *cái thiêng* của các nhà xã hội học tôn giáo mà chúng ta đang nói tới ở đây chắc chắn có ý nghĩa rộng hơn, nó không hoàn toàn đối lập với cái phàm tục.

Nếu như “con người luôn khát khao một đời sống tâm linh và niềm tin ở thế giới bên kia nối kết với lòng tin vào chính cuộc sống này” (Georges Friedmann)⁷, thì bản thân nó cũng luôn được sống và đào luyện trong những văn cảnh xã hội - văn hoá cụ thể. Con người góp phần quyết định tạo ra cái “không gian thiêng” cho chính mình và cộng đồng và ngược lại, chính cái không gian thiêng ấy lại *góp phần không nhỏ đào luyện chính họ*. Với người Thăng Long - Hà Nội cũng vậy. Như vậy là *không gian thiêng* nói cách khác là cái không gian mà đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của Thăng Long - Hà Nội tạo ra ngay từ thuở Lý Công Uẩn ban bố *Chiếu dời đô* thể hiện qua những đặc điểm rất riêng biệt của mình.

2. Những đặc điểm của “không gian thiêng” Thăng Long - Hà Nội

2.1. Một “không gian thiêng” gắn liền với biểu trưng của “hòn nước”

Bản thân Thăng Long, khi hình thành ý tưởng dời đô, trong tâm thức của các vua nhà Lý, tự nó đã là sự biểu trưng của *hòn dân tộc*, biểu trưng cho cội nguồn, cho sức mạnh trường tồn của Đại Việt.

Sau gần 1.000 năm mới giành lại được nền độc lập, điều hiếm thấy trong lịch sử loài người, qua ba triều vua Ngô - Đinh - Tiền Lê ngắn ngủi, Lý Thái Tổ - vị vua khai sáng nhà Lý - với ý thức sâu sắc về triều đại và đất nước mình đã quyết định dời kinh đô từ Hoa Lư ra Đại La và đặt tên cho kinh đô mới là Thăng Long. Bản thân việc dời đô đã báo hiệu cho

sự thống nhất và tập trung chính quyền trung ương của Nhà nước ta ở thời kỳ đó, việc dời đô là cần thiết để khẳng định tư thế của quốc gia hướng tới sự phát triển lâu dài của dân tộc và bảo đảm nền độc lập.

Bài *Chiếu dời đô* tuy ngắn gọn nhưng đã phản ánh đầy đủ những suy nghĩ quan trọng ấy. Ngoài việc yêu cầu kinh đô mới phải xây dựng ở nơi “địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng. Đã đúng ngôi Nam Bắc Đông Tây, lại tiện hướng nhìn sông dựa núi”, thì lại phải chú ý tới thế đất theo quan niệm phong thủy lúc đó đã sâu đậm. Vùng đất mới chọn phải có thế “rồng cuộn hổ ngồi”, tạo được một cảnh quan bề thế uy linh. Sau này, mặc dù có lúc Thăng Long không còn là Thủ đô, một số địa điểm khác được thay thế như trường hợp Tây Đô, Huế, thậm chí có lúc Bình Định và Gia Định thành trung tâm, dưới thời Pháp thuộc nước ta bị chia làm 3 kỳ, mỗi kỳ có thủ phủ riêng. Nhưng quy chế hành chính ấy không thể thay thế được quy chế về tinh thần, quy chế về văn hoá tâm linh mà chỉ có Thăng Long mới đảm đương được. Nói cách khác, Thăng Long - Hà Nội đã trở thành một không gian tâm linh nhưng lại là một địa chỉ cụ thể mang ý nghĩa tượng trưng cho nền văn minh sông Hồng cội nguồn dân tộc hay văn minh Đại Việt mà nhà Lý xứng đáng là triều đại mở đầu. Chính vì đặc điểm quan trọng này mà nhiều học giả khi bàn đến “hồn nước”⁸ đã coi Thăng Long thực sự là một biểu trưng, là nơi quy tụ và lưu giữ “hồn nước”. Trần Bạch Đằng đã lột tả rất đúng: “Thăng Long - Hà Nội không cảm hoá hơn 80 triệu người Việt Nam bằng dáng vẻ hoành tráng nhưng nó được cả nước hoành tráng tô điểm cho nó. Thăng Long - Hà Nội có tiềm lực chinh phục con người hết sức lớn lao, đó là nếp sống, phong cách, tư thế của con người đạt trình độ văn hoá Thăng Long. Thăng Long, Thủ đô chính trị, văn hoá và trên hết, Thủ đô tinh thần của Việt Nam”⁹.

Chúng ta cần đi sâu thêm vào khía cạnh tạo dựng một “cái thiêng” của *Chiếu dời đô*.

Viết về việc Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư ra Đại La, *Đại Việt sử ký toàn thư* có chép: “Mùa thu, tháng bảy, vua dời đô từ thành Hoa Lư ra thành Đại La của Kinh phủ. Lúc tạm đỗ dưới thành, rồng vàng hiện ra ở thuyền ngự. Nhân đó bèn đổi tên thành là thành Thăng Long”.

Như vậy là ngay trong *Chiếu dời đô*, Lý Thái Tổ như đã linh cảm việc dời đô với một quẻ trong *Kinh Dịch*: “Hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân”. Nghĩa là “Rồng hiện ra trên mặt đất, (đó là) điều thuận lợi để xuất hiện vĩ nhân”¹⁰.

Sau đó, Lý Thái Tổ còn phân tích 5 điều lợi của việc dời đô cũng theo đường hướng đó, đó là: Thứ nhất là vị trí “ở vào nơi trung tâm của trời đất”; Thứ hai là phương hướng “đúng ngôi Nam Bắc Đông Tây”; Thứ ba là địa thế “thuận tiện về hình sông thế núi” (tiện giang sơn hướng bội chi nghi); Thứ tư là có lợi về kinh tế “đất rộng mà bằng, cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt, muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi”; Thứ năm là về chính trị (đương nhiên cũng do 4 điều lợi trên đem lại) “tính kế muôn đời cho con cháu”.

Tiếp đó, Lý Thái Tổ còn đặt tên cho hàng loạt công trình kiến trúc ở Thăng Long theo kiểu *Kinh Dịch* như “dựng điện Càn Nguyên làm chỗ coi châu”, của Phi Long”, “điện Long An, Long Thụy”, “điện Nhật Quang, Nguyệt Minh”... Số lượng “điện” xây dựng ở Thăng Long là 8 (Càn Nguyên, Tập Hiền, Giảng Vũ, Cao Minh, Long An, Long Thụy, Nhật Quang, Nguyệt Minh). Chia đất nước làm 24 lộ (8 quẻ đơn, mỗi quẻ có 3 hào, 8x3=24). Phải chăng những điều đó liên quan đến Bát Quái?

Bình luận về điều này, có tác giả đã viết: “Lý Công Uẩn xem kinh đô khi còn ở Hoa Lư tương ứng với hào Sơ cứu ở quê Càn “Tiềm long vật dụng”, nghĩa là “Rồng còn ẩn mình dưới nước chưa thi thố tài năng được”. Từ chỗ còn “ẩn mình”, “chưa thi thố” ở Hoa Lư đến chỗ “hiện ra” ở Đại La (Thăng Long) là giai đoạn tiếp theo logic của quá trình phát triển lượng chất”¹¹.

Như vậy là việc dời đô ra Đại La khởi đầu của nhà Lý không chỉ là ý nguyện của “lòng dân” trăm họ, mà còn là “ý trời” mà *Chiếu dời đô* đã toát lên. Chính điều này - “ý trời”, sự thăng hoa của tâm thức tôn giáo dân tộc - đã tạo nên vị thế đặc biệt của tâm linh tôn giáo của Thăng Long - Hà Nội.

2.2. “Kết cấu ba vòng” của không gian thiênng Thăng Long - Hà Nội

Là một trong những trung tâm tôn giáo của cả nước, mặc nhiên Thăng Long - Hà Nội có một không gian tâm linh tín ngưỡng tôn giáo khá đậm đặc và biểu trưng cho sinh hoạt tôn giáo của cả nước. Nói cách khác, đó là nơi biểu trưng của “hệ thống tôn giáo tín ngưỡng” của cả nước, đồng thời là nơi cội nguồn cho tinh thần, tâm linh của hầu hết các tôn giáo tiêu biểu.

Sự hình thành hệ thống *Tam giáo* ở Hà Nội thực sự là một biểu hiện tập trung tiêu biểu nhất của cả nước. Suốt thời Lý - Trần, Thăng Long là trung tâm của các hoạt động Phật giáo, Nho học... Mặc dù coi Phật giáo là trụ cột trong hệ tư tưởng chính thống, hai triều đại Lý - Trần vẫn chủ trương dung hợp *Tam giáo*. Các ông vua Lý - Trần dường như hiểu rõ cái duy lý, tính cách hoài nghi thần linh của Nho giáo, nếu được dựa trên nền tảng của cái tự giác - giác tha, thác sinh của Phật giáo và cái thăng hoa của Đạo giáo thần tiên gần gũi với thói quen tâm linh của dân chúng thì vừa xây đắp được guồng máy trị nước vừa an dân, thanh bình cho Đại Việt. Nho giáo dần thịnh hành và chiếm ưu thế dần trong từng hệ thống tư tưởng chính thống, góp phần to lớn vào việc trị nước, an dân và giáo dục. Đạo giáo vào nước ta cũng dần biến thành Đạo giáo thần tiên và pháp thuật phù thủy. Trong buổi đầu dựng nước ngay tại Thăng Long, các pháp sư đã hài hòa cùng các thiền sư chăm lo việc cầu cúng bắt quyết trừ tà. Nhiều thầy phù thủy xuất hiện ở kinh thành hành nghề chuyên nghiệp tuy rằng việc hành đạo của họ nhiều khi diễn ra ngay trong những ngôi chùa của kinh thành.

Có thể nói chính Lý Thái Tổ đã thực hiện thành công chính sách “Tam giáo hòa nhi bất đồng” ở Thăng Long. Suốt ba triều đại đầu của nhà Lý từ Lý Thái Tổ, Thái Tông đến Thánh Tông, cả Nho, Phật và Đạo đều tồn tại như những giá trị không ép buộc. Ngay cả việc Lý Thánh Tông cho xây dựng Văn Miếu (1070) ở Thăng Long thì cho đến tận đời Trần nhà nước phong kiến vẫn tổ chức thi “tam giáo” ở Hà Nội. Điều này khiến không gian tâm linh của Thăng Long càng có ý nghĩa biểu trưng cho sự hài hòa tôn giáo tín ngưỡng của Đại Việt. Huỳnh Thúc Kháng đã từng đánh giá, đó là nét hết sức đặc sắc của Thăng Long: “Nước ta sau lúc độc lập, trong khoảng trên dưới 300 năm (từ Đinh đến Trần), về học hành thi cử, từ trên đến dưới, đối với hai nhà giáo tổ (Khổng, Phật), vẫn sùng bái như nhau, không phải thiên về một đạo Nho, tức là cái có vẻ tín giáo tự do vậy. Tín giáo được tự do, nên tư tưởng có chiều phát triển; trong lịch sử nước Nam ta về đời Trần, không những võ công trác tuyệt (đánh đuổi quân Hồ Nguyên), mà nói đến học giới, có vẻ cao hơn Tống Nho nhiều...”¹².

Nhưng cũng cần lưu ý rằng, nếu coi nền tảng của không gian tâm linh Thăng Long - Kẻ Chợ vẫn là “văn hoá làng quê” thì cũng nên phân biệt vai trò khác nhau của các tôn giáo ngoại nhập.

Khi nghiên cứu hội làng ở chùa Hương (xã Hương Sơn, Mỹ Đức) hay hội chùa Dâu của Tổng Dâu xưa (nay là Thuận Thành, Bắc Ninh), nghĩa là những địa danh “vùng ven” của Thăng Long, Đinh Gia Khánh có nhận xét rằng, nếu hội lễ thuần túy tôn giáo, dù là của Phật giáo cũng “thường chỉ có các Phật tử và tín đồ” tham gia, nếu muốn đông đảo nhân dân tham gia thì các hội lễ Phật giáo phải được dân gian hoá, địa phương hoá. Lễ hội chùa Hương dù nay mang tính chất Phật giáo, đặc biệt hội lễ chùa Dâu “tuy là hội chùa mà gắn được với hội làng và hơn nữa nó trở thành hội làng đích thực”¹³.

Tất cả nói lên rằng, các tôn giáo ngoại nhập đã sớm hòa nhập với các hình thức tôn giáo tín ngưỡng bản địa và điều quan trọng nó diễn ra trong sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng bình thường của dân chúng. Sau này, khi bắt đầu làm quen với Kitô giáo phương Tây ở đầu thế kỷ XVII, Thăng Long cũng nhanh chóng trở thành một trong những nơi “đứng chân” sớm nhất của tôn giáo phương Tây xa lạ này. Đạo Tin Lành cũng đã xuất hiện ở Hà Nội ngay từ cuối thế kỷ XIX, một trong những địa điểm sớm nhất ở nước ta làm quen với hệ phái thứ hai rất độc đáo của Kitô giáo thế giới nói chung.

Thành Thăng Long và vùng phụ cận tất nhiên cũng là nơi dồn tụ những hình thức sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng bản địa tiêu biểu. Từ tế tự tại gia (thờ cúng tổ tiên, các hình thức thờ tự khác như Ông địa...). Tế tự tại làng xóm như thờ thành hoàng, đạo Mẫu, các hình thức đạo giáo dân gian khác: Tế tự quốc gia, đàn Xã tắc, tế Nam giao...

Có thể nói đặc điểm này của không gian tôn giáo Hà Nội được thể hiện ngay từ buổi đầu xây dựng kinh đô và luôn được bồi bổ vun đắp cho tới tận ngày hôm nay. Những triều đại đầu tiên của Thăng Long cùng với những biến thiên và thăng trầm của lịch sử đã khiến cho không gian xã hội văn hoá tinh thần của Thăng Long như không thể tách rời khỏi không gian tâm linh tín ngưỡng tôn giáo ấy, trong cung đình cũng như ngoài bách tính. Cần phải nói thêm rằng trong không gian văn hoá, tín ngưỡng tôn giáo ấy nhiều khi khó tách biệt, cả một hệ thống các ngôi đình, đền, miếu, quán, nhà thờ, thánh đường... của Thăng Long - Hà Nội không chỉ tạo nên bức tranh phong phú sinh động về sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng mà còn góp phần to lớn cho việc tạo ra văn hoá Thăng Long, phong cách nếp sống của người “Kẻ Chợ”.

Thăng Long kế thừa “hệ thống thần linh Hùng Vương” tạo ngay ra hệ thống thần linh của Đại Việt độc lập. Theo Helmut Wissowa thì chính nước Văn Lang xưa đã có một trung tâm chính trị - tôn giáo (centre politicoreligieux) mà quyền uy tỏa rộng khắp vùng qua việc lưu hành các trống đồng...¹⁴. Đây cũng là một đặc điểm quan trọng của không gian tâm linh Thăng Long - Hà Nội, nó không chỉ tạo sự liên tục, chuyển dịch từ Phong Châu xuống Đại La mà còn nhanh chóng có những giá trị cộng sinh của vị thế kinh đô mới.

Không gian tâm linh của Thăng Long - Hà Nội còn được “vật thể hoá” trong xây dựng kiến trúc đô thị và tôn giáo mà ngày nay ta quen gọi là *văn hoá vật thể*, đó là việc hình thành “Thăng Long tứ trấn”, tạo nên một vẻ độc đáo duy nhất của Thăng Long về một không gian tâm linh kết hợp chặt chẽ với việc xây dựng kinh thành qua các triều đại. Lẽ dĩ nhiên, không gian tâm linh của Thăng Long - Hà Nội, theo chúng tôi được kết cấu phức

tạp nhưng hài hòa, hoàn chỉnh gồm ba vòng, mà chúng tôi sẽ lần lượt trình bày, nhưng “Thăng Long tứ trấn” luôn được coi là “vòng giữa” và có vị trí quan trọng bậc nhất.

Chúng ta cũng lưu ý rằng về đặc điểm cảnh quan thiên nhiên, nếu như Sài Gòn là thành phố của sông rạch thì Hà Nội là thành phố của sông hồ và bản thân nó cũng là một sản phẩm “tự nhiên” của Thăng Long. Trên cơ sở thể đất, cảnh quan của sông Hồng, sông Tô Lịch, thành Đại La, núi Nùng..., theo như phân tích của Eliade trên đây thì *không gian thiêng* của Hà Nội vậy là đã có đủ những biểu trưng tiêu biểu nhất là thần Sông (Giang thần Tô Lịch) và thần Núi (thần Long Đỗ) tạo nên một quê hương Thăng Long, đã trở thành những thành hoàng làng bảo vệ cho sinh mệnh của người dân Kẻ Chợ thuở ban đầu.

Trên cơ sở đó, *Thăng Long tứ trấn* bắt đầu được xây dựng.

“Thăng Long tứ trấn” đúng là một hiện tượng văn hoá tâm linh độc đáo của kinh thành Thăng Long xưa, phản ánh sự thống nhất giữa ý thức quốc gia độc lập chủ quyền của nước Đại Việt, với ý thức xây dựng *một không gian thiêng* biểu trưng cho sự trường tồn của “hồn nước” Đại Việt.

Tên gọi “Thăng Long tứ trấn” chưa biết rõ xuất hiện vào lúc nào, nhưng chắc rằng phải có khá sớm trong buổi đầu xây dựng kinh đô. Nhiều tác giả ghi chép về lịch sử Hà Nội đã mô tả về sự hình thành “Thăng Long tứ trấn”. Theo quan niệm của người Đại Việt lúc đó, trời đất có bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc thì thành Thăng Long cũng phải có “tứ trấn”, được xây dựng với bốn ngôi đền, trong đó đều có một vị thần đầy quyền uy canh giữ cho kinh thành từ Thăng Long xưa đến Đông Đô và Hà Nội hiện thời.

“Tứ trấn” đó là:

- Hướng Đông, đền Bạch Mã. Đền Bạch Mã tọa lạc tại phường Hà Khẩu, tổng Đông Thọ, phủ Hoài Đức, Thăng Long. Nay là phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm. Đền Bạch Mã thờ thần Long Đỗ, đó là thần thành hoàng đầu tiên của Thăng Long, nằm ven sông Tô Lịch, ít nhất cũng đã xuất hiện từ thế kỷ IX, khi Cao Biền đắp thành Đại La. Thời nhà Lý, đền Bạch Mã trở thành một trung tâm sầm uất của lễ hội Thăng Long và sinh hoạt cung đình. Đền Bạch Mã còn gắn với những tai nạn khủng khiếp về hoả hoạn khi Thăng Long “đô thị hoá”. Đời nhà Trần đã ba lần cháy lớn ở khu vực này. Thái sư Trần Quang Khải còn để lại nhưng câu thơ:

*Lửa tụi ba khu không cháy miếu
Gió lay một trận chẳng nghiêng mình.*

- Hướng Tây, đền Voi Phục, thờ thần Linh Lang. Sách viết về thần Linh Lang rất nhiều, khó tra cứu nhưng đại thể từ thời Lý - Trần đến Lê sơ, thần Linh Lang ở đền Voi Phục luôn được triều đình trọng vọng, miễn thuế cho làng Chợ Trại, miễn thuế và phu phen tạp dịch để chuyên lo việc phụng thờ tế tự, nên sau làng có tên là Thủ Lệ (giữ lệ thờ cúng thần). Thời Pháp đánh Hà Nội (1873 - 1883), quân dân Hà Nội đã diệt hai tướng Pháp F. Garnier và H. Rivière cũng ở khu vực này. Tên đền Voi Phục có từ thời ấy vì cổng đền đắp nổi hình hai con voi phục, quỳ xuống để thần Linh Lang bước lên mình voi như chiến tướng ra trận.

- Hướng Nam, đền Kim Liên thờ thần Cao Sơn. Cao Sơn đại vương có họ với thần núi Tản Viên. Sự tích kể lại rằng, đời Dương Đức, dịch lệ xảy ra ở Đoan Hùng (Phú Thọ), thần Cao Sơn đã hiện ra cứu dân thoát nạn. Ban đầu, đền Kim Liên được gọi là đình, sau

gọi là đền Kim Liên để thờ thần Cao Sơn, muện nhất vào thời Hồng Thuận thứ ba (1510) và trở thành một góc của “Thăng Long tứ trấn”, xưa thuộc phường Đông Tác, huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức. Nay thuộc phường Kim Liên, quận Đống Đa. Làng Kim Liên rất nổi tiếng vì có nhiều di tích cổ thời Lý - Trần, trong đó có khu vực Đền Xá Tắc, đài Thiên Văn và chùa Kim Liên (Kim Hoa tự) với những pho tượng Phật Lê - Nguyễn. Đền Kim Liên trấn giữ trên tuyến thành đất bao quát và bảo vệ vòng ngoài phía Nam kinh thành Thăng Long, trông ra hồ Ba Mẫu, có kiến trúc khá độc đáo nhưng là một di tích văn hoá lịch sử không còn trọn vẹn. Đền cũng còn là một di tích cách mạng của Đảng bộ Hà Nội.

- Hướng Bắc, quán Trấn Vũ, thờ thần Trấn Võ Đệ. Quán Trấn Vũ hay Quán Thánh, vị thánh có trọng trách trấn giữ phương Bắc, xưa là nơi tu luyện của các đạo sỹ theo đạo giáo. Pho tượng thánh đồ sộ uy nghi khiến một số học giả Pháp đầu thế kỷ XX lầm tưởng là tượng Phật nên gọi đây là “đền Phật lớn”. Quán Trấn Vũ rất xứng đáng là thần trấn phương Bắc vì vị thế đặc địa và kiến trúc đồ sộ, độc đáo. Từ khi Lý Thái Tổ dời đô cho đến thời nhà Nguyễn, đền được trùng tu nhiều lần, nhưng vẫn giữ phong cách đường bệ, thâm u, rất hấp dẫn du khách. Đặc biệt là những công trình kỹ thuật đúc đồng của nghệ thuật điêu khắc, nhất là gác chuông đã đi vào tâm thức người Hà Nội:

*Gió đưa canh trúc la đà
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương
Mịt mù khói toả ngàn sương
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.*

Quả thực quán Trấn Vũ được vua Lý Thái Tổ khi dời đô ra Thăng Long (1010) đã được sự phù trì của Huyền Thiên Trấn Vũ, nên cho lập đền này canh giữ hướng Bắc của Thăng Long là chí lý vậy.

Vậy là “Thăng Long tứ trấn”, bốn ngôi đền uy nghi bốn góc thành, dù là để thờ các anh hùng dân tộc hay anh hùng văn hoá (huyền thoại), hết thấy qua thăng trầm của lịch sử, đã sống mãi với Thăng Long - Hà Nội, như một biểu trưng của khí thiêng sông núi, của chính lịch sử đất này.

Trở lại với vấn đề quan trọng trên, chúng ta nhớ rằng vua Lý Thái Tông (1028-1054) đã rước thần Đồng Cổ, tức thần Trống Đồng, từ Thanh Hoá về lập đền thờ ở Thăng Long gọi là đền Đồng Cổ. Nhà vua lại đặt lệ hàng năm lại mở hội thể rất long trọng ở đền Đồng Cổ. Cùng với sự tôn vinh trống đồng, biểu trưng quyền uy của nhà nước và cộng đồng được hiện hữu trong ngôi đền được chọn lựa.

Điều này, được phản ánh rõ trong bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*: “Hàng năm, ngày 4 tháng 4, vào trước lúc gà gáy, quan tể tướng và trăm quan đến trực ở ngoài cửa thành, khi trời tờ mờ sáng thì tiến triều. Vua ngự trên ngai vàng đặt ở bên ngoài điện Đại Minh. Trăm quan vận triều phục, lạy hai lạy rồi lùi ra. Tất cả xếp thành hàng ngũ, có đồ nghi trượng kèm theo, đi về cửa Tây thành Thăng Long, tới đền Đồng Cổ, họp nhau để làm lễ tuyên thệ. Quan Trung thư kiểm chính đọc lời thề rằng: Làm tôi thì phải tận trung, làm quan thì phải thanh liêm. Ai làm trái lời thề này, thần minh tru diệt. Đọc xong lời thề, đóng cửa điện lại để kiểm diện. Ai vắng mặt trong hội thề bị phạt 5 quan tiền”.

Nhưng các vua Lý Trần cũng gặp những nghịch lý trong sự chọn lựa mà có nhà nghiên cứu gọi là “sự bất toàn của sự tập hợp thần linh nhà nước”: “Ta hãy nhìn lại sự thờ cúng vị thần bảo trợ tối cao của Lý, Trần. Sông Tô Lịch không được chọn dù nhà Lý đã

phong là Quốc đô Thành hoàng Đại vương, vì dấu hiệu nhân thần rõ rệt. Các ông thần khác của Thăng Long và chung quanh cũng không được chọn hoặc vì gốc nhân thần - nghĩa là không mang tính cách siêu linh tự thân - hoặc tuy cũng là gốc nhiên thần nhưng đã bị truyền thuyết hạ xuống địa vị thần tử nhân hoá. Cả đền thần Tản Viên sừng sững phía Bắc kinh thành cũng bị loại... Có phần chắc rằng chỉ có thần Đồng Cổ vốn là thần bảo trợ của Kinh đô Hoa Lư được rước về Thăng Long để làm người chủ trì¹⁵.

2.3. Một “không gian thiêng” hài hòa với một “không gian quyền lực” xã hội của kinh thành

Không gian thiêng của Thăng Long - Hà Nội còn được tạo nên bởi một địa điểm có khả năng liên kết một không gian xã hội ngày càng rộng lớn bền chắc trên cơ sở sợi dây nối kết giữa các dòng họ, dòng tộc, các tộc người, nói tóm lại là “dân tộc Việt Nam”. Thăng Long đã đóng vai trò sợi dây nối kết vững chắc đó, như người con trưởng trong gia đình truyền thống luôn giữ vinh hạnh là người lo việc tế tự thờ cúng tổ tiên cho trăm họ và từ đó một *không gian thiêng* về mặt xã hội đã được hình thành tạo nên một gia tài đặc biệt quý báu.

Đặc biệt ở thời cận hiện đại, sau Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, mở ra một thời đại mới, thời đại độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thời đại Hồ Chí Minh thì *không gian thiêng* về mặt xã hội của Thăng Long - Hà Nội lại càng rõ nét và có thêm những vẻ đẹp tinh thần mới.

Qua khói lửa của các cuộc chiến tranh và cách mạng, thường thì ở những thời điểm cam go nhất của lịch sử, đặc biệt là sự thử thách sống còn của nền độc lập và thống nhất của dân tộc, từ miền Nam, nơi cực nam của Tổ quốc, những người con của Nam Bộ kháng chiến vẫn luôn hướng về Hà Nội trong những vần thơ đã trở thành “kinh điển” của tình tự dân tộc với Hà Nội:

*Ai về xứ Bắc ta đi với
Thăm lại non sông giống Lạc Hồng
Từ thừa mang gươm đi mở cõi
Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long.*

(Nhớ Bắc - Huỳnh Văn Nghệ, 1946)

Trên đất nước ta có nhiều vùng đất “địa linh nhân kiệt”. Tuy vậy, không gian thiêng ở Hà Nội còn có một đặc điểm độc đáo khác, đó là nó không chỉ được tạo bởi yếu tố thần linh thuần túy tôn giáo hoặc kết hợp giữa yếu tố tôn giáo với điều kiện tự nhiên. Không gian thiêng ở Hà Nội còn có một đặc điểm độc đáo mà không một nơi nào khác ở đất nước ta có được, đó là một không gian thiêng có sự kết hợp giữa các yếu tố tâm linh tín ngưỡng tôn giáo với một địa điểm được coi là “khởi nguồn của hồn dân tộc, hồn nước”. Nơi này ngay về kiến trúc vật thể đã có những giá trị linh thiêng của sự kết hợp các yếu tố như thế.

Nhận xét về thành Hà Nội như một kiểu mẫu của thành quách địa lý, quân sự và tính thiêng liêng của Đại Việt, trong cuốn sách nổi tiếng bằng tiếng Pháp của Pierre Huard và Maurice Durand, vốn là những học giả nổi tiếng của Trường Viễn đông Bác cổ. Các tác giả có nhận xét rằng: “Ở thời Gia Long, thiết kế kiến trúc của các kỹ sư Pháp đã bị thay đổi nhiều theo các dữ kiện của khoa học tâm linh. Thành Hà Nội vì thế đáng chú ý vì:

1. Vị trí của nó ở bên trong chỗ vòng của hai dòng sông không thẳng hàng là sông Tô Lịch và sông Hồng;

2. Có lẽ do sự có mặt của một bức tường thành nhân tạo (đê Parreau) ở phía ấy;

3. Hướng của nó là Bắc - Tây Bắc, Nam - Tây Nam;

4. Trung tâm của nó (điện Kính Thiên) bản thân cũng là trung tâm của ngôi chùa hoàng gia, bị phá huỷ năm 1886, hướng theo Bắc - Tây Bắc nhiều hơn tòa thành, tương ứng với núi Nùng, cái gò thiêng, trong nhiều thế kỷ được coi là vật bảo hộ thành phố;

Hệ thống bảo vệ nó bằng ma thuật:

– Ở phía nam, Cột Cờ (1812);

– Ở phía bắc, Tam Sơn, mô đất nhân tạo thờ thổ thần, và thờ một cái cây, nơi Hoàng Diệu, đối thủ của Henri Rivière, treo cổ tự sát;

– Ở phía tây, Khán Sơn (Câu lạc bộ thể thao hiện nay);

– Ở phía đông, ngọn đồi nhỏ, nơi các trại lính được xây dựng năm 1890.

Trong chiến tranh dân trận, các phương pháp chiến thuật tốt nhất được sao chép theo các sơ đồ vũ trụ luận Trung Hoa về vũ trụ vi mô và vũ trụ vĩ mô. Các mùa cũng có một tầm quan trọng to lớn, và quân đội phải dời khỏi thành theo thứ tự sau đây: mùa xuân - cửa Đông; mùa hạ - cửa Tây; mùa thu - cửa Nam; mùa đông - cửa Bắc¹⁶.

Đoạn trích dẫn trên đây cho ta thấy cái nhìn rất tinh tế của hai tác giả người Pháp có liên quan đến nhận định của chúng tôi về đặc tính của không gian thiêng của Hà Nội. Điều đặc biệt là, kể cả khi Hà Nội không còn là Thủ đô của Việt Nam dưới triều Nguyễn và Kinh đô đã chuyển vào Huế chính thức từ sau năm 1802, nhưng thành phố thơ mộng bên bờ sông Hương này, dù được xây dựng thành một kinh đô khá bề thế của triều Nguyễn, kết hợp giữa kiến trúc thành quách kiểu Trung Hoa với kiến trúc Vauban của Pháp, vẫn không thể tạo nên một không gian thiêng đặc biệt như kiểu kinh thành Thăng Long.

3. Tôn giáo - tín ngưỡng ở khu phố cổ Hà Nội: vòng xoáy của không gian tâm linh

3.1. Không gian tâm linh phố cổ Hà Nội

Điểm nhấn thực sự của “không gian tâm linh” Thăng Long dĩ nhiên thuộc về chính khu vực phố cổ Hà Nội. Đến nay, đây vẫn là nơi bảo tồn được nhiều dấu tích kiến trúc đủ loại, những “di tích” về nghề thủ công cổ truyền, nguồn gốc dân cư, các sinh hoạt tín ngưỡng, tổ chức cộng đồng... Đó cũng là những đặc điểm phản ánh, hình thành và tạo nên nét riêng của đời sống kinh tế - xã hội đô thị Thăng Long - Hà Nội xưa và nay.

Trên phương diện kinh tế, một nét đặc trưng của khu phố cổ Hà Nội là các phố nghề, vốn được hình thành bởi những người thợ thủ công từ các làng nghề quanh Thăng Long xưa quy tụ về, tập trung theo từng khu vực, chuyên sản xuất, buôn bán trao đổi những loại hàng hoá, sản phẩm thủ công nhất định.

Về lịch sử, quá trình hình thành, phát triển khu phố cổ có thể tính từ thời điểm vùng đất này bước vào quá trình đô thị hoá; song định hình và rõ ràng hơn cả là từ khi Lý Công Uẩn định đô. Trải qua các vương triều phong kiến Lý - Trần - Lê, gần như liên tục,

Thăng Long - Đông Kinh đồng thời giữ chức năng trung tâm chính trị - hành chính và trung tâm kinh tế đất nước; bởi thế, Thăng Long sớm đã hình thành/phân định thành hai khu vực với chức năng hành chính - quan liêu và kinh tế - dân gian. Khu vực kinh tế dân gian - với nhân lõi chính là khu phố cổ¹⁷.

Về mặt không gian hiện nay, khu phố cổ Hà Nội được giới hạn bởi¹⁸:

- Phía bắc: phố Hàng Đậu.
- Phía tây: phố Phùng Hưng.
- Phía nam: phố Hàng Bông, Hàng Gai, Cầu Gỗ, Hàng Thùng.
- Phía đông: phố Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật.

Cần lưu ý là qua 1.000 năm lịch sử, Thăng Long - Hà Nội ở khu vực trung tâm này đã hiện hữu giữa một không gian phố cổ Hà Nội với một hệ thống các kiến trúc mang chức năng tôn giáo, tín ngưỡng cũng như hệ thống kiến trúc dân sự. Hai loại hình di tích kiến trúc này vừa là các bộ phận cấu thành, vừa là một yếu tố quan trọng phản ánh những đặc điểm về dân cư, kinh tế, tổ chức xã hội, đời sống tâm linh, sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng cư dân khu vực này.

3.2. Đặc tính các cơ sở thờ tự ở khu phố cổ Hà Nội

Cho đến nay, theo thống kê chính thức của cơ quan quản lý nhà nước, khu phố cổ Hà Nội còn 89 di tích tôn giáo, tín ngưỡng, đó là chưa kể đến 22 di tích cách mạng - kháng chiến của thời kỳ cận - hiện đại¹⁹. Một khu vực không rộng (khoảng 105ha), song với số lượng di tích trên đây, phố cổ Hà Nội là nơi tập trung khá nhiều di tích kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng. Đây là đặc điểm ban đầu, dễ nhận biết về hệ thống di tích thuộc khu vực phố cổ.

Không chỉ tập trung về số lượng, sự đa dạng về loại hình kiến trúc cũng là một đặc điểm nổi bật nữa của hệ thống di tích khu phố cổ. Trong số 89 di tích, hiện diện khá đầy đủ những loại hình kiến trúc thuộc nhiều tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống: Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo, Hồi giáo, tín ngưỡng thờ Thành hoàng, tổ nghề, tín ngưỡng thờ Mẫu... của người Việt chủ thể và người Hoa. Đó là hệ thống chùa; đình (cũng có cả đền, miếu) thờ các vị thần (nhân thần, nhiên thần, thiên thần). Ở đây, đầu thế kỷ XX lại xuất hiện cả “Chùa Tây Đen”, tức Thánh đường Hồi giáo mà chủ sở hữu là các kiều dân Ấn Độ và Pakistan. Các ngôi “vọng từ” thờ các vị thần Thành hoàng, các vị tổ nghề (nhiều trường hợp vừa là thành hoàng, vừa là tổ nghề) được đưa ra thờ tại Thăng Long từ quê hương; các đền, miếu thờ mẫu và chư vị của tín ngưỡng dân gian; quán Đạo giáo (quán Huyền Thiên); nhà thờ tổ họ (từ đường họ Nguyễn, số 112 phố Hàng Bông), các hội quán thờ bà Thiên Hậu, Quan Đế (Quan Vũ) của người Hoa (hội quán Phúc Kiến; hội quán Việt Đông, dân gian vốn trước vẫn quen gọi là chùa Hoa, chùa Tàu)²⁰.

Để thấy rõ những giá trị tâm linh đặc biệt của khu phố cổ Hà Nội, tốt nhất ta hãy giở lại cuốn *Chuyến đi thăm Bắc Kỳ năm Ất Hợi (1876)*. Cuốn sách được coi là một trong những cuốn văn xuôi, bút ký đầu tiên bằng chữ quốc ngữ của Trương Vĩnh Ký. Nó cho ta thấy nhiều nét sinh hoạt sống động của người Hà thành ở khu vực trung tâm thành nội, kể cả hồ Hoàn Kiếm, cung cách làm việc của dinh Tổng đốc Hà Nội Nguyễn Đăng Giai cho đến Tòa Lãnh sự Pháp ở Hà Nội. Đặc biệt liên quan đến sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng, Trương Vĩnh Ký có những mô tả hết sức quý báu về điện Kính Thiên, Văn Miếu, chùa Một Cột, một ngôi chùa khác ở ven Hồ Gươm mà tác giả gọi là “chùa do ông Nguyễn Đăng Giai

lập”. Thú vị hơn cả là sự mô tả cận cảnh của Trương Vĩnh Ký về đền Trấn Vũ mà ông gọi là *Ông thánh đồng đen*. Ông viết: “Ra cửa ô Bưởi đi coi chùa Trấn Võ quan, tục kêu là Ông thánh đồng đen ở bên mép hồ Tây. Tượng ấy là tượng ngồi cao lên tới nóc chùa, đúc bằng đồng đen cả. Tóc quăn như đầu Phật, mặt cũng tựa tựa. Còn từ cổ sắp xuống thì da như hình ông thánh Phaolô, một tay chống lên trên cán cây gươm chỉ mũi lên trên mu con rùa, một tay thì ngay ngón trở mà chỉ lên trời, chơn thì di dép. Có chữ đề mà đã mòn đã lu đi coi không ra”²¹.

Hiểu theo cách nào đó thì cư dân Thăng Long nói chung, cư dân khu vực phố cổ nói riêng cũng là sự tích hợp của quá trình nhập cư. Điểm dễ nhận thấy của cư dân nơi đây là tính đa dạng về nguồn gốc, nó chính là kết quả của quá trình hội tụ các bộ phận cư dân di cư đến từ nhiều vùng miền... Khi họ hội tụ về Thăng Long không chỉ mang theo lối sống, nghề nghiệp mà còn đem theo cả những thói quen tâm linh, tôn giáo tín ngưỡng..., tạo nên tính đa dạng trong đời sống văn hoá vật chất cũng như tinh thần của thành phố này.

Số đình, đền còn lại hiện nay, phần lớn là do dân “tứ xứ” lập nên. Có thể kể đến *Châu Khê vọng từ* - ngôi đền của những người dân Châu Khê ra Thăng Long làm nghề kim hoàn và vàng bạc. Ngôi vọng từ này là nơi họ tổ chức cúng lễ, tế vọng vị thần thành hoàng ngay tại đất kinh đô. Có thể thấy, phần đông các vị thành hoàng được lập vọng từ ở Thăng Long là các vị tổ nghề: đình Xuân Phiến tại số 4 Hàng Quạt thờ ông họ Đào - tổ nghề làm quạt của dân làng Ân Thi - Hải Dương; đình Phả Trúc Lâm (số 40 phố Hàng Hành) và đình Hải Tượng (số 16 ngõ Hải Tượng) thờ Tiến sỹ Nguyễn Thời Trung - tổ nghề thuộc da, đóng hia hài, các ông Thuần Chính, Đức Chính, Sỹ Bàn (tổ nghề da giày) ở làng Chấm (Gia Lộc - Hải Dương); đình Hải Tích (số 1 phố Lò Rèn) thờ Phạm Nguyệt, Nguyễn Nga, Nguyễn Cảnh Thánh sư - là các vị tổ sư nghề rèn, gốc ở làng Hoè Thị, Xuân Phương, Từ Liêm. Ông tổ nghề sơn son, thiếc vàng là Trần Lư (1470-1540) quê làng Bình Vọng, Thường Tín, đỗ Tiến sỹ năm 1502 được thờ ở đình Hà Vỹ (số 11 phố Hàng Hòm); đền thờ vọng Nhị Khê (*Nhị Khê vọng từ*) số 11 Hàng Hành thờ ông tổ nghề tiện gỗ...

Không chỉ phản ánh các đặc điểm dân cư, nghề nghiệp, di tích tôn giáo, tín ngưỡng, khu vực phố cổ còn là những dấu ấn, gắn liền và phản ánh lịch sử tạo dựng mảnh đất Thăng Long, của những con người, những nhân vật huyền thoại sinh ra và gắn bó với mảnh đất này từ hàng thế kỷ trước cũng như khi Thăng Long đảm giữ vai trò kinh đô. Đền Tiên Ngư (nay thuộc phố Hàng Cá) thờ Lý Tiên - theo thần tích vốn làm nghề đánh cá từ thời Hùng Vương. Đình Đức Môn (số 38 phố Hàng Đường) thờ Ngô Văn Long - một bộ tướng thời Hùng Duệ Vương (?). Đền Bạch Mã nổi tiếng là nơi thờ thần Bạch Mã - vốn là thần Long Đỗ - tương truyền đã hiện ra khi Cao Biền cho đắp thành Đại La. Đình Tân Khai (44 Hàng Vải) thờ thần Bạch Mã, Tô Lịch và Thiết Lâm đại vương. Đình Thanh Hà (số 10 Ngõ Gạch) thờ Trần Lực, danh tướng thế kỷ thứ XIII thời Trần. Đền Tiên Hạ (số 48 ngõ Phật Lộc) thờ Nguyễn Trung Ngạn...²².

Truyền thống “tiền Phật hậu thánh/hậu mẫu” của Phật giáo Việt Nam in dấu rất rõ trên các ban thờ ở khu phố cổ. Hiện còn có nhiều ngôi đền, miếu, điện được xây dựng để dành riêng cho loại hình tín ngưỡng này, song hiện nay đã biến thành nơi cúng thờ hoặc chuyển hoàn toàn thành nơi thờ Tứ phủ, đó là trường hợp của đền Bạch Mã, đền Đồng Thuận (11 Hàng Cá) trước chỉ thờ Lý Tiên, đền Nguyễn Khiết (số 102 Hàng Bạc)...

Không gian hẹp, đất quý như vàng đã khiến khu phố cổ nổi lên một đặc điểm khác: không có sự phân định, cách biệt tuyệt đối không gian kiến trúc dân sự và tôn giáo. Vì thế, không gian đô thị khu phố cổ Hà Nội - vốn dành cho các kiến trúc dân gian nhà ở,

cầu quán, dinh thự..., lại liền kề với đình đền, chùa quán, thậm chí là cả nhà thờ, thánh đường. Đặc biệt có những ngôi đình, đền được đặt ở tầng hai, gác trên của một ngôi nhà (như trường hợp của đình Trung Yên, thờ vị Tiên sỹ triều Mạc).

Các nhà nghiên cứu kiến trúc tôn giáo ở Hà Nội còn có nhận xét rằng, bố cục nhiều các ngôi chùa trong khu phố cổ thường là sự tiết kiệm tối đa các khoảng không gian. Chùa chính có mặt bằng hình chữ “công”, chữ “đình”. Các kiến trúc phụ bao gồm nhà mẫu, nhà tổ (chùa Thái Cam), hoặc thêm cả hành lang (chùa Cầu Đông). Có chùa chỉ có kiến trúc chùa chính (chùa Vĩnh Trụ). Các trang trí trên kiến trúc không nhiều, tiêu biểu có các ngôi chùa Cầu Đông, chùa Thái Cam. Đề tài trang trí là các linh vật, hoa, lá, quả. Dấu ấn còn lại phần nhiều là phong cách nghệ thuật thế kỷ XIX thời Nguyễn.

Với các di tích kiến trúc đình, đền, phần lớn đều có bố cục không gian trải theo chiều sâu, với ba lớp nhà, một số di tích có thêm kiến trúc phương đình (đền Bạch Mã, đình Thanh Hà, đền Hoá Thần). Bộ khung nhà đều làm bằng gỗ, với các bộ vì được kết cấu theo kiểu “chồng rường con nhị”, “chồng rường hai hàng chân” (đền Bạch Mã, đền Thanh Hà), kiểu “vì kèo” (đình Đức Môn). Trong một số kiến trúc có vòm “vò cua” nổi các nếp nhà (đền Bạch Mã, đình Hương Tượng, đình Đức Môn).

Ngay các hội quán cũng vậy. Đây là loại hình kiến trúc gắn với các sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo và sinh hoạt cộng đồng của người Hoa. Khu phố cổ Hà Nội hiện còn 2 hội quán, với hai phong cách kiến trúc khá rõ rệt. Hội quán Phúc Kiến (số 40 phố Lãn Ông) và hội quán Quảng Đông (số 22 Hàng Buồm), cũng tạo nên sự phong phú, đa dạng của không gian tâm linh Hà Nội.

Khu phố cổ còn có *Quán Đạo giáo Huyền Thiên* (phố Hàng Khoai), được dựng trên mặt bằng lớn, cũng có nét kiến trúc lạ mắt, như có thêm thông điệp về đặc tính Đạo giáo nơi người Thăng Long.

Không gian tâm linh ở Hà Nội quả thực hết sức phong phú và độc đáo với kết cấu ba vòng: *Vòng ngoài*, làng xã ngoại thành rộng lớn, tiêu biểu cho loại hình làng xã của văn minh sông Hồng, lại áp sát đất tổ Hùng Vương. *Vòng trong*, “Thăng Long tứ trấn” với những di tích lịch sử, tôn giáo, tín ngưỡng đã khá tập trung đậm đặc. *Vòng trong cùng*, vòng xoáy của không gian tâm linh, đó là khu vực *Hoàng thành - khu phố cổ Hà Nội*, nơi tập trung nhất của không gian tâm linh, tôn giáo gắn kết với không gian quyền lực chính trị - xã hội.

Trong cái không gian tâm linh ấy, các cơ sở thờ tự của mọi loại hình tôn giáo tín ngưỡng đều được người dân Hà thành, các chính quyền qua các thời đại tính toán sắp đặt, vun đắp và bảo tồn qua biết bao thế hệ và tự nó đã tạo nên những giá trị văn hoá vật thể, văn hoá phi vật thể không thể tách rời với lịch sử và hiện tại của thành phố.

Những năm gần đây, trong không khí cởi mở của tiến trình Đổi mới đất nước và chính sách tôn giáo thông thoáng hơn, các tổ chức tôn giáo ở Hà Nội đều hồi phục và phát triển. Các *hội quy của Phật giáo*, các hội đoàn (Công giáo) tăng nhanh. Riêng Công giáo, các *ban hành giáo* của các xứ họ đạo hoạt động với bầu khí mới mẻ.

Có thể nói cho đến nay, hệ thống tôn giáo ở Hà Nội cũng khá tiêu biểu, bao gồm những tôn giáo chính yếu của nước ta, vốn là những tôn giáo nhập nội hay là những tôn giáo bản địa.

Trước hết, *hệ thống Tam giáo ở Hà Nội* rất tiêu biểu. Có thể nói Thăng Long - Hà Nội là nơi gần như được coi là xuất phát của Phật giáo nước nhà (hai trung tâm đầu tiên là Luy Lâu, Thuận Thành, Bắc Ninh và Tây Thiên, Tam Đảo, Vĩnh Phúc, về mặt địa - tôn giáo khó tách biệt với Thăng Long). Khổng giáo đặc biệt từ thời Lê có vị trí dần dần độc tôn, thì không đâu tiêu biểu hơn là Hà Nội. Kể cả sau này khi kinh đô đã chuyển vào Huế thì Nho học trên đất Thăng Long - Hà Nội với những tên tuổi của “sỹ phu Bắc Hà” vẫn là lực lượng tri thức, tinh thần tiêu biểu cho Nho học, kể cả khu vực bác học và khu vực bình dân (các nhà nho “tài tử”).

Về Đạo giáo, Hà Nội cũng là một trung tâm quan trọng như nhận xét của nhiều trí thức ở các vùng miền khác nhau khi đến với Thăng Long - Hà Nội như chúng ta đã từng đề cập ở phần trên.

Đạo Kitô (Công giáo và Tin Lành) ở Hà Nội cũng có nhiều nét đáng lưu ý.

Có thể nói Công giáo Hà Nội là thuộc số địa điểm lâu đời nhất ở xứ Bắc Kỳ xưa, nơi linh mục Đắc Lộ (A. de Rhodes) đặt chân đến ngay khi ông từ Đàng Trong ra Bắc. Nói đúng hơn là từ Cửa Bạng (Thanh Hoá), năm 1627, ra Thăng Long và gieo mầm đầu tiên của cộng đồng Công giáo Hà Nội. Từ đó, Hà Nội luôn là vị trí quan trọng nhất của Công giáo ở phía Bắc. Có một thời gian, từ 1949 đến đầu những năm 1960, Hà Nội vẫn là nơi đặt Đại diện Tông tòa của Tòa Thánh Vatican. Giáo phận Hà Nội từ 1960 cũng trở thành Tổng giáo phận Hà Nội cho tới ngày nay.

Đạo Tin Lành ở Hà Nội tuy chính thức hình thành (1926) có chậm hơn Đà Nẵng (1911), địa điểm gốc nhất của Tin Lành Việt Nam hiện nay, nhưng nếu tính về những địa điểm đầu tiên ở nước ta có tiếp xúc với đạo Tin Lành từ châu Âu cuối thế kỷ XIX thì Hà Nội lại thuộc số địa điểm đầu tiên.

Ít nhất từ năm 1954 khi đất nước chia cắt, Tin Lành Hà Nội cũng trở thành cộng đồng tiêu biểu nhất của Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) và cho đến tận ngày nay vị thế này vẫn là như vậy.

Hồi giáo ở Hà Nội thực sự là một cộng đồng vô cùng nhỏ bé nhưng nó vẫn là một cộng đồng tiêu biểu cho tôn giáo này ở phía Bắc Việt Nam. Ngoài ra việc có mặt một cộng đồng cũng không đồng đạo gì là cộng đồng đạo Cao Đài ở Hà Nội từ thập kỷ 40 đến nay vẫn tồn tại, như một nét độc đáo của hệ thống tôn giáo ở Hà Nội.

Những năm gần đây, “hiện tượng tôn giáo mới” (New religions movements) đã khiến cho hệ thống tôn giáo ở Hà Nội càng thêm đa dạng, hàng chục nhóm phái thuộc loại hình tôn giáo này, đặc biệt xuất hiện ngày càng nhiều từ thập kỷ 80 trở lại đây đã nói rõ điều đó. Trong số những *đạo lạ* đã xuất hiện ở Hà Nội, đã có một số nhóm nảy sinh ngay ở địa bàn thành phố. Điều này, theo chúng tôi được biết, là chưa hề có trước đây. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước ở Hà Nội có chịu ảnh hưởng nhất định của cuộc nổi dậy của nhà sư Vương Quốc Chính và Hội Thượng chí cũng như của Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cẩm nhưng đó là chuyện “từ bên ngoài vào”...

Trong sự phát triển của hệ thống tôn giáo hiện nay, Hà Nội vẫn luôn có vị thế là một trung tâm truyền giáo, ảnh hưởng trực tiếp đến hầu hết các tỉnh ở phía Bắc dù bản thân nó cũng là nơi có khả năng “tiếp nhận” các tôn giáo mới.

4. Thay lời kết

Như đã trình bày ở phần trên đời sống tín ngưỡng - tôn giáo của người dân Hà thành hay nói cách khác là đời sống tâm linh tinh thần vừa là sản phẩm, vừa là tác nhân tạo nên cái *không gian thiêng* độc đáo đó. Bản thân Kinh thành Thăng Long với vị thế nằm ở trung tâm của nền văn minh sông Hồng, nằm kề bên Kinh đô cổ xưa nhất của nước Văn Lang là Phong Châu. Trong quá trình xây dựng ngày càng rộng mở cùng với vị thế ngày càng quan trọng Thủ đô của Đại Việt, các yếu tố, cấu trúc của cái “không gian thiêng” hay “không gian tâm linh” ấy của Thăng Long - Hà Nội ngày một hoàn chỉnh với “cấu trúc ba vòng”.

Trước hết, phải nói rằng cấu trúc của “không gian thiêng” Thăng Long - Hà Nội đặc biệt là ở chỗ nó đã tạo ra được một hệ thống không gian thiêng với ba vòng, liên hoàn chặt chẽ.

Vòng ngoài, đó là cả một không gian rộng lớn ven sông Hồng mà sau này đô thị học gọi là “vùng ngoại thành”. Về phương diện tâm linh tín ngưỡng tôn giáo, cũng khó có khu vực nào trên đất nước ta tiêu biểu như khu vực này vì đó là nơi tập trung tiêu biểu nhất cho những loại hình tín ngưỡng tôn giáo “của mình” và các hình thức tín ngưỡng tôn giáo ngoại nhập. Đó cũng là nơi có điều kiện “trải nghiệm”, *sắp xếp, loại bỏ và ổn định* hệ thống tôn giáo tín ngưỡng của người dân trước và sau khi họ trở thành những “công dân” của Hà Nội.

Quá trình đô thị hoá, đặc biệt từ thời cận đại với cuộc “công nghiệp hoá cưỡng bức” của chủ nghĩa thực dân, sau đó, trong điều kiện độc lập tự chủ ngày hôm nay là một cuộc công nghiệp hoá - hiện đại hoá đích thực của dân tộc, một lần nữa lại thúc đẩy quá trình sàng lọc và hội nhập nói trên.

Vòng giữa, đó là sự hình thành cấu trúc đặc biệt của “Thăng Long tứ trấn”, một hệ thống kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng vừa có ý nghĩa biểu trưng về tâm linh của Thăng Long - Hà Nội, vừa có ý nghĩa khẳng định những giá trị của quyền lực xã hội. Nhưng trên hết thấy Thăng Long tứ trấn còn *vật thể hoá* những giá trị tinh thần, được gọi là “hồn nước” của thành phố này cũng như một biểu tượng của sự bền vững “nước non một thửa vững âu vàng” (Lê Thánh Tông).

Vòng trong, “vòng xoáy tâm linh” của khu phố cổ và Hoàng thành Thăng Long, nơi tập trung nhất của những hình thái sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo, cũng đồng thời là không gian tâm linh như được “hội tụ” mọi sắc thái và chiều kích. Trên cái nền đó là những hình ảnh sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng nhiều sắc màu của những cộng đồng cư dân tiêu biểu nhất của người Hà thành.

Như thế, Thăng Long - Hà Nội quả thực có một “không gian thiêng” đặc biệt so với những đô thị lớn ở nước ta, nhìn trên cả hai bình diện: cấu trúc của không gian thiêng ấy và “công năng” của nó. Vòng ngoài, đó là một không gian bao la của làng xã ngoại thành (lại là những mẫu hình làng xã tiêu biểu bậc nhất của nền văn minh sông Hồng, làng nông nghiệp pha trộn làng buôn và thủ công) trù phú, gắn liền với tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước. Thăng Long nằm kề với đất Tổ Hùng Vương, Phong Châu, Kinh đô cổ nhất của nước Văn Lang. Mặc dù Thăng Long có thể không phải là cái rốn của văn minh sông Hồng nhưng mảnh đất này vừa nằm gối bên sông Hồng - sông Mẹ và cũng liền kề với những vùng đất cổ của văn hoá Đông Sơn. Vòng giữa, là cấu trúc nổi tiếng của “Thăng Long tứ trấn”. Vòng giữa này đã được các nhà nghiên cứu tôn giáo, văn hoá dân gian nghiên cứu khá kỹ. Về phương diện tâm linh, vòng giữa rất quan trọng là ở chỗ, nó định vị cơ bản hệ thống thần linh chủ yếu của Thăng Long Hà Nội, một hệ thống đã được các

triều đại lựa chọn, định vị với sự phong thần “chính thức” ở cấp quốc gia, phù hợp với “luật phong thủy”. Vòng trong, mà chúng tôi gọi nó là “vòng xoáy tâm linh” của không gian thiêng Thăng Long - Hà Nội, đó là khu vực Hoàng thành và khu phố cổ, nơi tập trung nhất yếu tố thần linh và yếu tố quyền lực xã hội (cung đình của các triều đại). Địa điểm đặc biệt này ngay từ buổi đầu nhà Lý đã có những cơ sở thờ tự linh thiêng và quyền uy nhất như Chung đàn Vạn tuế và chùa Chân Giáo ở Hoàng thành đầu thế kỷ XI. Sau đó được “hoàn chỉnh” bằng việc dựng chùa Một Cột (1049), Văn Miếu (1070). Chỉ có những địa điểm như thế ở Thăng Long khi triều đình nhất là các vua nhà Lý niệm Phật hàng ngày và đặc biệt khi cần có thể truyền ngôi và đi tu ngay ở đó (năm 1224, vua Lý Huệ Tông, ở chùa Chân Giáo là như vậy). Khu Phố Cổ đi liền với hồ Hoàn Kiếm và tháp Báo Thiên cũng là một điểm nhấn của vòng trong nơi các nghi lễ tín ngưỡng tôn giáo và nghi lễ của cung đình pha trộn trong một không gian “Hoàng thành mở rộng”.

Đất nước ta ở đâu cũng *địa linh nhân kiệt*. Nhưng chắc hẳn không có ở đâu như Thăng Long - Hà Nội, những yếu tố *Thần* và *Người*; *Cái thiêng* với ý nghĩa tôn giáo, tâm linh lại kết hợp chặt chẽ với cái *hồn nước*, tạo nên cái sức mạnh tâm linh tinh thần đặc biệt của Thăng Long - Hà Nội.

Về vai trò hay *công năng* của “không gian thiêng” ấy cũng có đặc điểm riêng ở chỗ khi người Thăng Long - Hà Nội thực hành đời sống tôn giáo - tín ngưỡng, bên cạnh những yếu tố tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo có trong bản thân các hình thức tôn giáo tín ngưỡng mà họ thể hiện thì vẫn luôn chịu những tác động tích cực của cấu trúc không gian thiêng nói trên. Chẳng hạn, Hà Nội không phải là thành phố có tỷ lệ người có tôn giáo (nhất là các tôn giáo lớn như Phật giáo, Công giáo, Tin Lành...) cao nhất nước, nhưng với vị trí là Thủ đô của nước ta nên các tôn giáo này luôn có vị trí “cao nhất” trong các giáo hội, các cơ quan đầu não của các giáo hội cũng được tập trung ở đây, vì thế những sinh hoạt tôn giáo lớn, điển hình thường diễn ra ở Hà Nội.

Như chúng ta đã nói, đặc điểm của không gian tâm linh Thăng Long - Hà Nội là không có sự tách biệt tuyệt đối giữa “không gian tôn giáo” và “không gian xã hội”. Đặc điểm này cũng dẫn đến vai trò, công năng khác của nó là một mặt, nó được sử dụng như một công cụ tinh thần hữu hiệu để bồi đắp ý thức yêu nước, chủ nghĩa dân tộc; mặt khác, nó cũng là một công cụ giáo hoá tinh thần đào luyện con người, văn hoá Thăng Long - Hà Nội.

Việc phục hiện cái “không gian tâm linh - tôn giáo - tín ngưỡng” của Thăng Long Hà Nội nói cho cùng chỉ là một cách để chúng ta có thể hiểu rõ hơn khung cảnh tự nhiên, chính trị, xã hội và văn hoá của người Hà thành trong sinh hoạt tín ngưỡng - tôn giáo. Cũng qua đó, chúng ta có thể hiểu rõ hơn những giá trị văn hoá, đạo đức và tinh thần mà những sinh hoạt tâm linh ấy đem lại trong lịch sử cũng như trong hiện tại. Đồng thời có lẽ, nó cũng như thêm một luận cứ để chúng ta hiểu rõ hơn về đẹp, sự thanh lịch, thuần khiết của “người Tràng An”...

CHÚ THÍCH

- ¹ Xem bài của Juan Plazaola Artola, “Sự thánh thiêng”, tạp chí *Người đưa tin UNESCO*, số tháng 11 năm 1990, tr.11.
- ² R. Jackson, R. Henri, *Perception of sacred space, Journal of Culture Geography (Khái niệm về không gian thiêng, du hành qua các vùng văn hoá)*, N. 3, 1983. Một số công trình chính có thể xem thêm: Mircea Eliade, *Traité d'histoire des religions, (Khái luận lịch sử tôn giáo)*, Ed. Payot, Paris, 1996; E. Hirsch, M. O'Hanlon; *The*

- Anthropology of Landscape: Perspectives on Place and Space (Nhân học cảnh quan: trình bày về Địa điểm và Không gian)*, Oxford - clarendon Press, 1992. Gần đây nhất là cuốn của Julien Rites, *L'homme et le sacré (Con người và cái Thiêng)*, Ed. Cerf, Paris, 2009.
- ³ Khi nghiên cứu đời sống tôn giáo tín ngưỡng trong xã hội cổ đại, E. Durkheim đã phát hiện ra rằng: chính các nhân vật được coi là các nhà tiên tri, những tên gọi khác nhau về Thiên Chúa trong thời *Cựu ước* của dân tộc Do Thái như Moisé, Yahvé chính là những nhân vật đã đem lại sự biến đổi của quá trình xã hội ấy. Tinh thần, “luật pháp” (lề luật) như chưa hề được biết đến, một biến cố khác thường đã đặt ra cho dân tộc Do Thái, một dân tộc “được Chúa chọn”, đã thiết lập mối liên hệ thiêng liêng của cộng đồng dân tộc ấy với sự hiện hữu của Thiên Chúa qua Yahvé...
 - ⁴ Những ý kiến này chúng tôi tóm tắt trong cuốn sách nổi tiếng *Những hình thức sơ đẳng của đời sống tôn giáo* (nguyên văn: *Les Formes élémentaires de la vie religieuse*) của E. Durkheim xuất bản ở Paris, Pháp năm 1912. Trên cơ sở tìm ra nội dung, đặc tính của *cái tục* và *cái thiêng*, Durkheim đã đưa ra quan niệm về cấu trúc của *Niềm tin tôn giáo* (*Les croyances religieuses*), cái lõi của định nghĩa của ông về “tôn giáo” (p.92-93 và p 108-109) trong nguyên bản Pháp ngữ.
 - ⁵ Xem phần *Approximations structure et morphologie du sacré*, (Cấu trúc và hình thái học về cái Thiêng), trong cuốn *Traité d'histoire des religions* của M. Eliade, Payot, sdd, Paris, 1996, p.14-18 (“Sacré” et “profane”).
 - ⁶ Xem John A.Hardon, *Từ điển Công giáo phổ thông*, bản dịch từ tiếng Anh, NXB Phương Đông, 2009, tr.587.
 - ⁷ Xem Paul Poupard, *Les Religions (Các tôn giáo)*, nguyên bản tiếng Pháp Edition PUF, Paris 1987, p.5.
 - ⁸ Có nhiều người bàn về “hồn nước”. Chẳng hạn Kim Định trong cuốn *Căn bản triết lý trong văn hoá Việt Nam*, Thanh Bình, Sài Gòn, 1967, cho rằng “hồn nước không chỉ là chuyện dân tộc tính”. Theo ông, ở nước ta đi từ 3 cấp độ: “Tinh tự tổ quốc, nền tảng triết lý của hồn nước và, “tinh thần nhập thần” nhằm tiến tới những chân trời xa lạ”, tr. 21.
 - ⁹ Trần Bạch Đằng, “Ngàn năm thương nhớ đất Thăng Long”, *Người Đại biểu nhân dân*, số 10/10/2005.
 - ¹⁰ Xem *Kinh Dịch*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1991, tr.69. Ngô Tất Tố dịch là “Rỗng hiện ở ruộng, lợi về sự thấy người lớn”.
 - ¹¹ Xem Hà Thúc Minh, *Văn hoá đạo đức*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, tr.120.
 - ¹² Huỳnh Thúc Kháng, *Lối học khoa cử và lối học của Tống Nho có phải là đạo Khổng Mạnh không?* Xem cuốn *Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng*, NXB Thuận Hoá.
 - ¹³ Xem Đinh Gia Khánh, 1995, *Văn hoá dân gian Việt Nam với sự phát triển của xã hội Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 82.
 - ¹⁴ Dẫn lại của Đinh Gia Khánh, *Văn hoá dân gian Việt Nam...*, sdd, tr. 114.
 - ¹⁵ Xem Tạ Chí Đại Trường, *Thần, người và đất Việt*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2006, tr. 121.
 - ¹⁶ Xem P. Huard et M. Durand, *Hiểu biết về Việt Nam*, nguyên bản tiếng Pháp: *Connaissance du Viet-Nam*, Ecole Francaise D'Extrême - Orient, Hanoi, 1954, p 59; Cuốn này đã có bản dịch của NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993.
 - ¹⁷ Tham khảo phần: *Di tích lịch sử - văn hoá ở khu phố cổ Hà Nội* của TS. Phan Phương Thảo (chủ nhiệm), *Tình hình sở hữu nhà đất khu phố cổ Hà Nội nửa đầu thế kỷ XX qua tư liệu địa chính*, đề tài KHCN cấp ĐHQGHN, 2009.
 - ¹⁸ Quyết định số 70 BXD/KT do Bộ Xây dựng ban hành ngày 30/3/1995.
 - ¹⁹ Thống kê của Ban Quản lý di tích danh thắng Hà Nội, xem Nguyễn Doãn Tuấn: *Bảo tồn và phát huy tác dụng các di tích lịch sử văn hoá trong khu phố cổ Hà Nội* trong Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: *Tôn tạo phố cổ ở các thành phố châu Á và châu Âu*.
 - ²⁰ Sở Văn hoá Hà Nội, Ban Quản lý di tích danh thắng Hà Nội từ lâu, đặc biệt từ khi chuẩn bị cho Đại lễ 1000 năm Thăng Long, đã tiến hành mạnh mẽ việc sưu tầm, hoàn thiện các bộ hồ sơ di tích rất phong phú và có giá trị.
 - ²¹ Xem P.J.B. Trương Vĩnh Ký, *Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi (1876)*, Bản in Nhà hàng C. Guiland et Martinon, Sài Gòn, 1881, tr. 8.
 - ²² Tham khảo: Phan Huy Lê, *Phố cổ Hà Nội quá trình hình thành và biến đổi*; Đỗ Thị Hào, *Đền thờ tổ nghề trong lòng phố cổ Hà Nội - thực trạng và giải pháp...* trong Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế *Tôn tạo phố cổ...*, tư liệu đã dẫn.